

Số: **1958/QĐ-UBND**

Nam Định, ngày **07 tháng 9 năm 2018**

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 108/TTr-SLĐTBXH ngày 30/8/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Website tỉnh; Website VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1; VP11



CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1958 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - TBXH

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|---|--|--------------|--|
| I | Lĩnh vực Lao động nước ngoài | | | | |
| 1 | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi | Bộ phận “một cửa” Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | Không | - Bộ Luật lao động năm 2012 - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH |
| 2 | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 600.000 đồng | - Bộ Luật lao động năm 2012 - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH - Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định. |
| 3 | Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 450.000 đồng | - Bộ Luật lao động năm 2012 - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH - Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định. |

| | | | | | |
|---|---|---|--|-------|--|
| 4 | Thu hồi giấy phép lao động | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | Không | - Bộ Luật lao động năm 2012 - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH |
| II Lĩnh vực An toàn – Vệ sinh lao động | | | | | |
| 1 | Báo cáo tai nạn lao động của người sử dụng lao động | Không quy định | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Điều 36 Luật an toàn, vệ sinh lao động - Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP |
| 2 | Báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động | Không quy định | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Điều 81 Luật an toàn, vệ sinh lao động - Điều 10 Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH |
| 3 | Khai báo tai nạn lao động | Không quy định | Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Điều 34 và Điểm c Khoản 2 Điều 67 Luật an toàn, vệ sinh lao động - Điều 10 và Điểm b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP |
| 4 | Gửi biên bản điều tra tai nạn lao động của đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở | Không quy định | Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Khoản 8 Điều 35 Luật an toàn, vệ sinh lao động - Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP |
| 5 | Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài | Theo thời hạn điều tra tai nạn lao động của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh | Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Điều 67 Luật an toàn, vệ sinh lao động - Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP |

| | | | | | |
|--|--|--|---|-------|---|
| 6 | Khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng | Theo quy định của pháp luật chuyên ngành | Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Điều 35 Luật an toàn, vệ sinh lao động - Điều 26 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP - Quy định của pháp luật chuyên ngành |
| III Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp | | | | | |
| 1 | Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập thuộc tỉnh quản lý | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trường hợp không quyết định thành lập hội đồng trường phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do | - Cơ quan chủ quản của trường - Sở LĐTBXH đối với trường trực thuộc Sở | Không | - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH |
| 2 | Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập thuộc tỉnh quản lý | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trường hợp không miễn nhiệm, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | - Cơ quan chủ quản của trường - Sở LĐTBXH đối với trường trực thuộc Sở | Không | - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH |
| 3 | Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập thuộc tỉnh quản lý | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | - Cơ quan chủ quản của trường - Sở LĐTBXH đối với trường trực thuộc Sở | Không | - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH |

| | | | | | |
|-----------|--|---|---|-------|---|
| 4 | Thủ tục thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trường hợp không thành lập phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | Bộ phận “Một cửa” Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH |
| 5 | Thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc tỉnh quản lý | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trường hợp không bổ nhiệm, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do | - Cơ quan chủ quản của trường - Sở LĐTBXH đối với trường trực thuộc Sở | Không | - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH |
| 6 | Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc tỉnh quản lý | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trường hợp không miễn nhiệm, không cách chức phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | - Cơ quan chủ quản của trường - Sở LĐTBXH đối với trường trực thuộc Sở | Không | - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH |
| IV | Lĩnh vực Bảo trợ xã hội | | | | |
| 1 | Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 2 | Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Sở Lao động - Thương binh | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ |

| | | | | | |
|---|---|---|--|-------|---|
| | trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | đủ hồ sơ hợp lệ | và Xã hội | | quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 3 | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 4 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 5 | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 6 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh | 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” UBND cấp xã | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 7 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh | Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ | Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |

| | | | | | |
|---|--|---|--|-------|---|
| | | khi tiếp nhận đối tượng, trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định | | | |
| 8 | Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh | Theo thỏa thuận | Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 9 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

| STT | Tên TTHC | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|---|
| I | Lĩnh vực Lao động nước ngoài | |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam | - Bộ Luật lao động năm 2012 - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP |
| 2 | Thủ tục cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam | - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH - Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Nam Định. |
| 3 | Thủ tục xác nhận đã thu hồi giấy phép lao động | - Bộ Luật lao động năm 2012 - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH |
| II | Lĩnh vực Bảo trợ xã hội | |
| 1 | Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 2 | Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp | |
| 3 | Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với đối tượng tự nguyện | |
| 4 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý | |
| 5 | Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý | |

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN
1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--------------------------------|--|--|----------------------------------|-------------|---|
| Lĩnh vực Bảo trợ xã hội | | | | | |
| 1 | Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” UBND cấp huyện | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 2 | Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” UBND cấp huyện | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 3 | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” UBND cấp huyện | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 4 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” UBND cấp huyện | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |

| | | | | | |
|---|--|---|---|-------|---|
| 5 | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận "một cửa" UBND cấp huyện | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 6 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận "một cửa" UBND cấp xã (Áp dụng đối với những huyện có Cơ sở trợ giúp xã hội) | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 7 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định | Cơ sở trợ giúp xã hội thuộc UBND cấp huyện (Áp dụng đối với những huyện có Cơ sở trợ giúp xã hội) | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |

| | | | | | |
|---|---|--|---|-------|---|
| 8 | Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | Theo thỏa thuận | Cơ sở trợ giúp xã hội thuộc UBND cấp huyện (Áp dụng đối với những huyện có Cơ sở trợ giúp xã hội) | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |
| 9 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Cơ sở trợ giúp xã hội thuộc UBND cấp huyện (Áp dụng đối với những huyện có Cơ sở trợ giúp xã hội) | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

| STT | Tên TTHC | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|
| | Lĩnh vực Bảo trợ xã hội | |
| 1 | Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. |
| 2 | Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp | |
| 3 | Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng tự nguyện | |
| 4 | Thủ tục thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện | |
| 5 | Thủ tục thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện | |
| 6 | Thủ tục giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện | |
| 7 | Thủ tục thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện | |
| 8 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp huyện quản lý. | |
| 9 | Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp huyện quản lý | |
| 10 | Thủ tục thành lập Trung tâm công tác xã hội công lập | |
| 11 | Thủ tục giải thể Trung tâm công tác xã hội công lập | |
| 12 | Thủ tục thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của Trung tâm công tác xã hội | |

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--------------------------------|---|--|-------------------------------|-------------|---|
| Lĩnh vực Bảo trợ xã hội | | | | | |
| 1 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận “một cửa” UBND cấp xã | Không | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội |